

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 52 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thu An

2. Ông Nguyễn Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn A, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Phạm P, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 1, KP.4, TT. C, huyện T, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A và Phạm P chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc chung sống là tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh P làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Anh P hay nhậu nhẹt say sưa không lo cho vợ con. Vợ chồng hay cãi vã xô xát nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Khoảng tháng 6/2022 thì chị A về nhà cha mẹ ruột sinh sống anh P không liên lạc cũng không đến thăm con. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh P

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên Phạm Q sinh ngày 18/9/2015 và Phạm T sinh ngày 21/7/2018. Hiện các con đang sống cùng chị A, chị A yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm P đã được Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh P vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh P được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn A xin xét xử vắng mặt, anh Anh vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đã chấp hành đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Chị A và anh P chung sống với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chị A được ly hôn với Phạm P.

Về con chung: Chị A yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị A. Hiện nay chị A là lao động có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con, đồng thời các con hiện nay vẫn đang sống cùng chị A Vì vậy, đề nghị HĐXX giao 02 con chung tên Phạm Q sinh ngày 18/9/2015 và Phạm T sinh ngày 21/7/2018 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị A không yêu cầu nên không đề cập.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn A, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Phạm P có nơi cư trú tại tổ 1, KP.4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chị Nguyễn A và anh Phạm P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị A cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh P làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Anh P hay nhậu nhẹt say sưa không lo cho vợ con. Vợ chồng hay cãi vã xô xát nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Khoảng tháng 6/2022 thì chị A về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Đức Hùng cha ruột của chị A. Xét thấy, giữa chị A và anh P chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị A cho chị A được ly hôn với anh P.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh P có 02 con chung tên Phạm Q sinh ngày 18/9/2015 và Phạm T sinh ngày 21/7/2018. Hiện các con đang sống cùng chị A, chị A yêu cầu được nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị A có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung chưa thành niên, anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị A. Xét thấy hiện nay cháu Q, cháu T đang sinh sống cùng mẹ, chị A là lao động có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị A giao 02 con chung tên Phạm Q sinh ngày 18/9/2015 và Phạm T sinh ngày 21/7/2018 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn A phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn A được ly hôn với anh Phạm P

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Q sinh ngày 18/9/2015 và Phạm T sinh ngày 21/7/2018 cho chị Nguyễn A trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011884 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND thị trấn C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh

